

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á: VAI TRÒ CỦA NGUỒN NHÂN LỰC

● LƯU NGỌC LIÊM

Trường Đại học Lạc Hồng
Email: liemluungoc@gmail.com

TÓM TẮT:

Nghiên cứu đánh giá định lượng tác động của tăng trưởng dân số (POG) cùng các yếu tố kinh tế vĩ mô bao gồm vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tích lũy tư bản (K), lực lượng lao động (LABO), tỷ lệ lạm phát (INF), tỷ lệ thất nghiệp (UN) và tỷ lệ đô thị hóa (Urb) đối với tăng trưởng kinh tế (đại diện bởi logarit tự nhiên của GDP) tại 9 quốc gia khu vực Đông Nam Á (ASEAN). Bằng việc ứng dụng mô hình định lượng FEM trên bộ dữ liệu 162 quan sát của 9 quốc gia ASEAN từ 2005 - 2022, nghiên cứu đã lượng hóa thành công sức mạnh của các yếu tố kinh tế vĩ mô và nhân khẩu học đối với GDP. Kết quả cho thấy mô hình giải thích được 82,16% sự biến thiên của GDP. Từ các bằng chứng thực nghiệm, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách phát triển bền vững, tận dụng cơ cấu dân số vàng và cải thiện chất lượng nhân lực cho khu vực.

Từ khóa: tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng dân số, GDP, ASEAN, mô hình FEM, dữ liệu bảng.

1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế là một vấn đề được quan tâm hàng đầu ở các quốc gia trên thế giới, không chỉ mang lại lợi ích về tài chính mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển toàn diện của một quốc gia. Trong đó, tăng trưởng dân số là một trong những yếu tố vĩ mô tác động mạnh mẽ và đa chiều nhất đến sự tiến bộ của nền kinh tế. Mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế luôn là chủ đề trọng tâm trong hoạch định chính sách, bởi sự gia tăng dân số không chỉ tác động trực tiếp đến nguồn cung lao động mà còn ảnh hưởng đến an sinh xã hội, cơ sở hạ tầng và môi trường bền vững.

Đông Nam Á là một khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế năng động nhưng đi kèm với sự biến động nhân khẩu học đáng kể trong những thập kỷ qua. Một số quốc gia như Indonesia, Việt Nam và Philippines hiện đang trong giai đoạn “cơ cấu dân số

vàng” - nguồn lao động dồi dào là động lực vô giá để mở rộng sản xuất. Ngược lại, các quốc gia như Thái Lan, Singapore đang phải đối mặt với nguy cơ già hóa dân số, đặt ra áp lực lớn cho hệ thống y tế và hưu trí. Do đó, bài toán đặt ra không chỉ dừng lại ở quy mô, mà còn ở cách thức quản trị các biến số vĩ mô như vốn đầu tư, lạm phát, thất nghiệp để cộng hưởng cùng dân số tạo nên chu kỳ tăng trưởng tích cực.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu “Tác động của tăng trưởng dân số đối với tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia Đông Nam Á” được thực hiện nhằm cung cấp các bằng chứng định lượng rõ ràng, thông qua các mô hình kinh tế lượng chuyên sâu với bộ dữ liệu bảng 18 năm (2005 - 2022). Kết quả của nghiên cứu đóng vai trò là cơ sở khoa học để các nhà hoạch định chính sách thiết kế chiến lược tận dụng lợi thế dân số, đồng thời kiểm soát lạm phát và thất nghiệp.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết về dân số: Lịch sử kinh tế học ghi nhận 2 luồng tư tưởng chính về dân số. Thomas Malthus (1798) cho thấy, dân số tăng theo cấp số nhân trong khi lương thực chỉ tăng theo cấp số cộng, từ đó gia tăng dân số tất yếu dẫn đến đói nghèo và kìm hãm kinh tế. Trái ngược với Malthus, lý thuyết của Ester Boserup khẳng định áp lực từ gia tăng dân số chính là chất xúc tác ép buộc con người phải đổi mới công nghệ nông nghiệp, nâng cao năng suất để sinh tồn, từ đó mở ra sự phát triển. Quan điểm hiện đại kết hợp cả 2 góc nhìn: dân số tăng là cơ hội về thị trường và lao động, nhưng sẽ là rào cản nếu không đi kèm với giáo dục, y tế và tích lũy vốn (Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, 2011; Ngô Văn Thứ, 2020).

Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế: Theo lý thuyết cổ điển của Adam Smith và David Ricardo, nguồn gốc của tăng trưởng phụ thuộc vào phân công lao động, tích lũy tư bản (K) và tài nguyên đất đai. Tuy nhiên, bước ngoặt lý luận thuộc về Mô hình Tân cổ điển của Robert Solow (1956). Theo Solow, thông qua hàm sản xuất tổng quát $Y = f(K, L, A)$, kinh tế tăng trưởng dựa trên sự kết hợp giữa Vốn (K), Lao động (L) và yếu tố Công nghệ (A). Tiến bộ công nghệ là yếu tố giúp kinh tế bứt phá khi giới hạn của vốn và lao động rơi vào trạng thái sinh lợi giảm dần.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu trước đây

Đã có nhiều công trình ở trong và ngoài nước đo lường định lượng ảnh hưởng của các biến số nhân khẩu học và vĩ mô đối với GDP. Ở góc độ quốc tế, nghiên cứu của Eli H. Tartiyus, Mohammed Inuwa Dauda và Amade Peter (2015) cũng như Amade Peter và Ibrahim H. Bakari (2018) về 53 quốc gia châu Phi đã lập mô hình GMM cho thấy: tỷ lệ tăng trưởng dân số (POG) tác động dương đến GDP, trong khi tỷ lệ tử vong thô hoặc lạm phát cao gây bất ổn vĩ mô. Các nghiên cứu kinh điển của Bloom & Freeman (1988) và Kelley & Schmidt (1995) cũng khẳng định dân số tác động tốt đến nền kinh tế nếu quốc gia có chính sách hấp thụ lao động hiệu quả.

Tại Việt Nam, Phạm Thị Xuân Thọ và Phạm Thị Bạch Tuyết (2011) kết luận sự phân bố dân cư hợp lý là đòn bẩy cho kinh tế đô thị. Nguyễn Thị Hiền (2016) khi nghiên cứu số liệu tỉnh Bình Dương (2000-2014) chỉ ra kiểm soát tốt quy mô và nâng cao chất lượng lao động giúp tăng GDP bình quân đầu người vượt bậc.

3. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

3.1. Thiết lập mô hình kinh tế lượng

Kế thừa hàm sản xuất Cobb-Douglas mở rộng và dựa trên khung nghiên cứu của Amade Peter (2018), nghiên cứu thiết lập mô hình hồi quy dữ liệu bảng (Panel Data) dưới dạng Logarit để hạn chế hiện tượng phương sai sai số thay đổi và tuyến tính hóa các biến số quy mô lớn:

$$\begin{aligned} \ln(\text{GDP})_{it} = & \beta_0 + \beta_1 * \text{POG}_{it} + \beta_2 * \ln(\text{LABO})_{it} \\ & + \beta_3 * \ln(K)_{it} + \beta_4 * \ln(\text{FDI})_{it} + \beta_5 * \text{INF}_{it} \\ & + \beta_6 * \text{UN}_{it} + \beta_7 * \text{Urb}_{it} + \mu_{it} \end{aligned}$$

Mô tả các biến và kỳ vọng dấu:

$\ln(\text{GDP})$: Logarit tự nhiên của Tổng sản phẩm quốc nội (tỷ USD) – Biến phụ thuộc.

POG: Tỷ lệ tăng trưởng dân số (%). Kỳ vọng mang dấu (+) hoặc (-).

$\ln(\text{LABO})$: Logarit tự nhiên của Lực lượng lao động (triệu người). Kỳ vọng mang dấu (+).

$\ln(K)$: Logarit tự nhiên của Tích lũy tư bản (tỷ USD). Kỳ vọng mang dấu (+).

$\ln(\text{FDI})$: Logarit tự nhiên của Dòng vốn FDI (tỷ USD). Kỳ vọng mang dấu (+).

INF: Tỷ lệ lạm phát (%). Kỳ vọng mang dấu (-).

UN: Tỷ lệ thất nghiệp (%). Kỳ vọng mang dấu (-).

Urb: Tỷ lệ đô thị hóa (%). Kỳ vọng mang dấu (+).

μ_{it} : Sai số ngẫu nhiên của mô hình.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp được khai thác từ Chỉ số Phát triển Thế giới (World Development Indicators - WDI, 2023) của Ngân hàng Thế giới. Bộ dữ liệu bảng dạng cân bằng (Balanced Panel Data) thu thập cho 9 quốc gia thành viên ASEAN (Việt Nam, Brunei, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan, Đông Timor) trải dài trong 18 năm từ 2005 đến 2022. Tổng số quan sát của mô hình là $N * T = 9 * 18 = 162$ quan sát.

3.3. Quy trình kiểm định và hồi quy

Quy trình phân tích kinh tế lượng được thực hiện qua các bước tuần tự trên phần mềm Stata:

1/ Phân tích thống kê mô tả và Kiểm tra ma trận tương quan, đa cộng tuyến bằng hệ số VIF (Variance Inflation Factor).

2/ Chạy hồi quy 3 mô hình: Pooled OLS, Random Effects Model (REM), và Fixed Effects Model (FEM).

3/ Thực hiện kiểm định Breusch and Pagan Lagrangian để chọn giữa OLS và REM. Sau đó thực

hiện Kiểm định Hausman (Hausman Test) để chọn giữa REM và FEM.

4/ Thực hiện kiểm định phương sai sai số thay đổi (Heteroskedasticity Test) và tự tương quan (Autocorrelation Test).

5/ Sử dụng phương pháp ước lượng chuẩn vững mạnh (Robust Standard Errors) hoặc GLS để khắc phục khuyết tật và đưa ra kết quả phân tích cuối cùng.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Số liệu từ 162 quan sát trong giai đoạn 18 năm phản ánh bức tranh kinh tế - xã hội vô cùng đa dạng của khối ASEAN. (Bảng 1)

4.2. Kiểm định mô hình và các khuyết tật

Kiểm tra đa cộng tuyến (VIF): Kết quả chạy hệ số VIF cho các biến độc lập lần lượt là 4.57, 4.31, 3.00, 2.29, 1.77, 1.65 và 1.08. Không có biến nào có giá trị VIF vượt ngưỡng 5, chứng tỏ mô hình hoàn toàn không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Lựa chọn mô hình hồi quy:

Kiểm định Breusch-Pagan Lagrangian: Cho kết quả p-value nhỏ hơn 5%, bác bỏ giả thuyết H_0 , kết luận mô hình REM ưu việt hơn mô hình OLS gộp.

Kiểm định Hausman: Tiến hành so sánh giữa REM và FEM. Kết quả p-value = 0.0000 (< 0.01). Do

đó, mô hình Tác động cố định (FEM) được lựa chọn là mô hình tối ưu nhất.

Kiểm định khuyết tật trên mô hình FEM:

Phương sai sai số thay đổi: Kết quả kiểm tra Wald Test trên mô hình FEM cho thấy p-value < 0.05 , xác nhận tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Tự tương quan: Kết quả kiểm định Wooldridge cho thấy p-value < 0.05 , xác nhận sự hiện diện của tự tương quan bậc 1 trong các chuỗi dữ liệu bảng.

Để khắc phục các vi phạm giả định này, nhóm nghiên cứu áp dụng kỹ thuật ước lượng sai số chuẩn vững mạnh (Robust Standard Errors) nhằm đảm bảo hệ số ước lượng là vững và không bị chệch.

4.3. Phân tích kết quả hồi quy

Hệ số xác định R^2 của mô hình đạt 0.8216. Điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình (dân số, vốn, lao động, lạm phát, thất nghiệp, đô thị hóa) đã giải thích được 82,16% sự biến thiên của biến phụ thuộc $\ln(\text{GDP})$. Đây là mức độ giải thích rất cao đối với dữ liệu kinh tế vĩ mô. (Bảng 2)

Thảo luận chi tiết về các hệ số hồi quy:

Tác động của Thất nghiệp (UN): Hệ số hồi quy $\beta = -0.0906063$ với mức ý nghĩa 5% khẳng định mối liên hệ nghịch biến mạnh mẽ. Cụ thể, khi tỷ lệ thất nghiệp tăng thêm 1%, tổng sản lượng quốc gia (GDP)

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Biến số	Số quan sát	Trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)
$\ln(\text{GDP})$	162	4.460482	2.047714	-0.7901155	7.184687
UN (%)	162	3.261475	2.056386	0.1200000	9.316000
INF (%)	162	4.460000	(Phụ thuộc QG)	-	-
FDI (tỷ USD)	162	13.446220	23.749410	-4.947474	148.763700
POG (%)	162	1.380000	(Phụ thuộc QG)	-	-

Nguồn: Tác giả tổng hợp và xử lý số liệu

Bảng 2. Kết quả ước lượng mô hình FEM với sai số chuẩn mạnh (Robust)

Biến độc lập	Hệ số góc (β)	P-value	Mức độ ý nghĩa	Tác động đến GDP
UN (Thất nghiệp)	-0.0906063	< 0.05	95%	Nghịch chiều
INF (Lạm phát)	-0.0016961	< 0.05	95%	Nghịch chiều
$\ln(K)$ (Tích lũy tư bản)	0.1557180	< 0.05	95%	Thuận chiều
POG (Tăng trưởng dân số)	Dương (+)	< 0.10	90%	Thuận chiều
Urb (Đô thị hóa)	Dương (+)	< 0.10	90%	Thuận chiều
$\ln(\text{LABO})$ (Lực lượng lao động)	-	> 0.10	Không có ý nghĩa	-

sẽ sụt giảm tương ứng khoảng 9,06%. Điều này hoàn toàn logic vì thất nghiệp đại diện cho sự lãng phí nguồn lực đầu vào quan trọng nhất.

Tác động của Lạm phát (INF): Hệ số $\beta = -0.0016961$ cho thấy lạm phát có tác động kìm hãm GDP. Dù hệ số không quá lớn nhưng mang mức ý nghĩa thống kê tin cậy ($p < 0.05$), minh chứng lạm phát cao làm xói mòn sức mua nội địa, làm sai lệch các quyết định đầu tư và gây mất ổn định vĩ mô.

Tác động của Tích lũy tư bản (LnK): Hệ số $\beta = 0.155718$ chỉ ra tư bản đóng vai trò hạt nhân. Khi tích lũy tư bản vật chất tăng 1%, nền kinh tế Đông Nam Á được thúc đẩy tăng 0,155%. Dòng vốn này đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa.

Tác động của Dân số và Đô thị hóa (POG, Urb): Cả biến POG và Urb đều có $p\text{-value} < 0.1$, mang dấu dương. Sự gia tăng dân số và sự chuyển dịch dân cư về các vùng đô thị đã kích thích tổng cầu tiêu dùng, tạo hiệu ứng lan tỏa, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Phát hiện này hoàn toàn tương đồng với các kết luận của Bloom & Freeman (1988) và Amade Peter (2018).

Phát hiện về Lực lượng lao động (LnLABO): Đáng chú ý, biến số này không đạt ý nghĩa thống kê trong mô hình ($p\text{-value} > 0.1$). Điều này phản ánh thực trạng "bẫy lao động giá rẻ" tại nhiều nước ASEAN. Sự gia tăng về mặt số lượng lao động thuần túy không còn đảm bảo được sự bứt phá về sản lượng nếu thiếu đi kỹ năng số và năng suất cao.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Bằng việc ứng dụng mô hình định lượng FEM trên bộ dữ liệu 162 quan sát của 9 quốc gia ASEAN từ 2005 - 2022, nghiên cứu đã lượng hóa thành công sức mạnh của các yếu tố kinh tế vĩ mô và nhân khẩu học đối với GDP. Kết quả cho thấy, mô hình

giải thích được 82,16% sự biến thiên của GDP. Tích lũy tư bản (K), đô thị hóa (Urb) và tăng trưởng dân số (POG) là những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Ở chiều ngược lại, lạm phát (INF) và thất nghiệp (UN) gây sụt giảm quy mô kinh tế nghiêm trọng.

5.2. Hàm ý chính sách

Nhằm duy trì và thúc đẩy phát triển bền vững, các quốc gia ASEAN cần áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:

Nâng tầm chất lượng dân số: Vì quy mô lao động (LnLABO) không đem lại ý nghĩa thống kê tích cực, các chính phủ buộc phải chuyển dịch từ việc khai thác nhân công giá rẻ sang nâng cao năng suất lao động bằng cách đầu tư trọng điểm vào giáo dục, đào tạo kỹ thuật số và dạy nghề chất lượng cao.

Điều hành chính sách tiền tệ thận trọng: Với hệ số nghịch biến rõ nét, Ngân hàng Trung ương các nước cần kiên định với mục tiêu kiểm soát lạm phát, tạo nền tảng tín dụng ổn định cho doanh nghiệp, song song với việc cung cấp các gói kích cầu nhằm giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

Khoi thông dòng vốn và quy hoạch đô thị: Tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh để thu hút FDI công nghệ cao, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công (tăng K). Đồng thời, xu hướng đô thị hóa (Urb) phải được gắn liền với quy hoạch hạ tầng đồng bộ để tránh các hệ lụy về ô nhiễm và ùn tắc.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu vẫn tồn tại một số giới hạn nhất định. Thứ nhất, mô hình chỉ xem xét khía cạnh vĩ mô mà chưa đi sâu vào vi mô (như bất bình đẳng thu nhập, hành vi hộ gia đình). Thứ hai, giai đoạn 2005-2022 bao gồm nhiều cú sốc toàn cầu (Khủng hoảng 2008, Đại dịch Covid-19) nhưng nghiên cứu chưa sử dụng các biến giả (Dummy Variables) để bóc tách các cú sốc này. Đây sẽ là hướng mở rộng hữu ích cho các nghiên cứu tiếp theo ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bùi Thị Minh Tiệp (2012). Giáo trình Kinh tế phát triển. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch (2008). Kinh tế học. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
Ngô Văn Thứ (2020). Dân số và phát triển: Lý luận và thực tiễn. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
Nguyễn Kim Phước (2020). Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2000-2010. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 6(3), 104-112.

Nguyễn Thị Hiền. (2016). Mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2000 - 2014. Mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2000 - 2014. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2(80), 119. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.2\(80\).356\(2016\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.2(80).356(2016)).

Phạm Thị Xuân Thọ, Phạm Thị Bạch Tuyết (2011). Biến động dân số Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1999-2009; hiện trạng nguyên nhân và các giải pháp. Truy cập tại <https://vjol.info.vn/sphcm/issue/view/1565>.

Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (2011). Giáo trình dân số và phát triển. <https://thuvientailieu.org/giao-trinh-dan-so-va-phat-trien-8604/>.

Amade P., & Bakari I. H. (2018). Impact of Population Growth on Economic Growth in Africa: A Dynamic Panel Data Approach (1980–2015). *Journal of Economics and Sustainable Development*.

Bloom D. E., & Freeman R. B. (1988). Economic Development and the Timing and Components of Population Growth. *Journal of Policy Modeling*, 10(1), 57-81.

Eli H. Tartiyus, Mohammed Inuwa Dauda, & Amade Peter (2015). Impact of Population Growth on Economic Growth in Nigeria. Available at <https://www.semanticscholar.org/paper/Impact-of-Population-Growth-on-Economic-Growth-in-Iosr-Eli/792451d544def61edb1b6164f26a2acece1d882>.

Kelley A. C., & Schmidt R. M. (1995). Aggregate Population and Economic Growth Correlations: The Role of the Components of Demographic Change. *Demography*, 32(4), 543-555.

Ngày nhận bài: 5/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/6/2026

ECONOMIC GROWTH IN SOUTHEAST ASIAN COUNTRIES: THE ROLE OF HUMAN RESOURCES

● **LUU NGOC LIEM**

Lac Hong University

Email: liemluungoc@gmail.com

ABSTRACT:

This study quantitatively evaluates the impact of population growth (POG) and macroeconomic factors, including foreign direct investment (FDI), capital accumulation (K), labor force (LABO), inflation rate (INF), unemployment rate (UN), and urbanization rate (Urb), on economic growth (measured by the natural logarithm of GDP) in nine Southeast Asian countries (ASEAN). Using a Fixed Effects Model (FEM) on a balanced panel dataset of 162 observations from 2005 to 2022, the study successfully quantifies the influence of macroeconomic and demographic factors on GDP. The results show that the model explains 82.16% of GDP variation. Capital accumulation, urbanization, and population growth positively affect economic growth, while inflation and unemployment have significant negative effects. The labor force variable does not show a statistically significant impact. Based on these findings, the study proposes policy implications to support sustainable development, leverage the demographic dividend, and improve workforce quality in the region.

Keywords: economic growth, population growth, GDP, ASEAN, FEM model, panel data.